

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HSST
Ngày: 23/3/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Văn Luận
Ông Lê Việt C

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Thư ký tòa án nhân dân
Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố T tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 111/2022/TLST-HS ngày 25/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1.Cao Đăng T, Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh năm: 1986 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Phố P, phường Đ, Tp. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Cao Thanh G - Sinh năm 1964; Con bà: Phạm Thị H - Sinh năm 1962; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Trần Thị Th -sinh năm 1987; Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam, tạm giữ: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2.Lê Đăng B, Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh năm: 1973 tại Thanh Hóa; Nơi cư trú: Phố H1, phường Đ, Tp. T, T. Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Đăng H2 (đã chết); con bà: Nguyễn Thị C1 – sinh năm: 1947; Bị cáo là con một trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị L – sinh năm: 1974; Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam, tạm giữ: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

tại phiên tòa.

3. **Phạm Văn U**, Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990 tại Thanh Hóa; Nơi thường trú: phố Quý, phường Đ, Tp. Thanh Hóa, T. Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phạm Văn B – sinh năm: 1967; Con bà: Trần Thị Đ – sinh năm: 1967; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lê Thị M – sinh năm: 1992; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam, tạm giữ: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1987. “Vắng mặt”
Địa chỉ: Phố P, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
2. Anh Cao Văn C, sinh năm: 1982. “Vắng mặt”
Địa chỉ: Phố P, phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.
Chị Th, anh C có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin Báo của quần chúng nhân dân, vào khoảng 23 giờ 15 phút ngày 06/11/2021, Công an phường Đ, Thành phố T phối hợp với Công an Thành phố T tiến hành kiểm tra hành chính nhà Cao Đăng T (vợ là Trần Thị Th) tại Phố P, phường Đ, Thành phố T. Qua kiểm tra trong phòng ngủ có Lê Hữu H, Lê Đăng B, Phạm Văn U (lúc đầu khai tên là Phạm Văn Hoàng tên thường gọi ở nhà) và anh Cao Văn C – sinh năm 1982, trú tại Phố P, phường Đ, Thành phố T, cơ quan Công an phát hiện và thu giữ tổng số tiền là 11.250.000 đồng bao gồm thu trên người H số tiền 1.600.000 đồng, B số tiền 3.000.000 đồng, T số tiền 100.000 đồng và anh C số tiền 300.000 đồng; thu trên bàn trang điểm và dưới gầm giường số tiền 6.250.000 đồng, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 01 chiếc chiếu trúc (1.7x2.2)m.

Quá trình điều tra, các bị cáo và anh Cao Văn C đã khai nhận : Tới ngày 06/11/2021 Lê Hữu H, Lê Đăng B, Phạm Văn U đến nhà Cao Đăng T để ăn cơm. Khoảng 21 giờ cùng ngày sau khi ăn cơm xong các bị cáo rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài ba cây cầm chương tại phòng ngủ của vợ chồng T, mức đặt cược thấp nhất (trống cửa) là 100.000 đồng, mức đặt cược cao nhất là 200.000 đồng. Khi chơi các bị cáo thống nhất mỗi người trích ra 100.000 đồng từ tiền đánh bạc để sau đó đi ăn đêm và để số tiền này trên bàn trang điểm. Trong lúc đánh bạc có Cao Văn C, sinh năm 1982 trú tại Phố P, phường Đ, Thành phố T đến nhà T chơi và ngồi sau H, U để xem. Đến 23 giờ 15 phút cùng ngày Cơ quan Công an đến kiểm tra và thu giữ tại nơi T cùng đồng bọn đánh bạc tổng số tiền là 11.250.000 đồng.

Về số tiền đánh bạc được xác định như sau:

- Bị cáo Cao Đăng T sử dụng 3.900.000 đồng để đánh bạc, T lấy 900.000 đồng để dưới chiếu còn 3.000.000 đồng kẹp ở ví. Nếu thua hết 900.000 đồng thì T tiếp tục sử dụng số tiền kẹp vào giữa ví để đánh bạc. Khi cơ quan Công an kiểm tra T cất giấu 100.000 đồng vào người, số tiền còn lại T dùng ví kẹp lại để dưới chiếu rồi đi ra mở cửa nên không biết thắng hay thua.

- Bị cáo Lê Hữu H sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc và để toàn bộ số tiền dưới chiếu. Khi cơ quan Công an kiểm tra H cất giấu 1.600.000 đồng vào người, số tiền còn lại giấu vào gầm giường nên không biết thua bao nhiêu tiền.

- Bị cáo Lê Đăng B sử dụng 3.000.000 đồng để đánh bạc và để toàn bộ số tiền dưới chiếu. Khi cơ quan Công an kiểm tra B cất giấu 3.000.000 đồng vào người, B đang thắng 100.000 đồng đã trích ra ăn đêm.

- Bị cáo Phạm Văn U sử dụng 1.250.000 đồng để đánh bạc và để toàn bộ số tiền dưới chiếu. Khi cơ quan Công an kiểm tra U cất giấu toàn bộ số tiền vào gầm giường nên không biết thua bao nhiêu tiền.

- Cao Văn C mang theo 300.000 đồng theo người trước khi sang nhà T. C chỉ ngồi xem không tham gia đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 10.950.000 đồng.

Cách thức đánh bạc: Các bị cáo Cao Đăng T, Lê Hữu H, Lê Đăng B và Phạm Văn U thống nhất mức đặt cược tối thiểu là 100.000 đồng, tối đa là 200.000 đồng, lấy bộ bài tứ lơ khơ 52 cây, sử dụng 36 cây bài từ cây 1 (át) đến cây 9 (chín) để đánh bạc với người cầm chương, là người ăn thua trực tiếp với những người chơi còn lại. Người cầm chương chia đều cho mỗi người chơi ba cây bài để tính điểm phân định thắng thua, cụ thể phần bài nào có điểm số lớn hơn sẽ thắng, nếu hai phần bài có điểm số bằng nhau sẽ lấy các chất trong ván bài để phân định thắng thua (theo thứ tự nhỏ dần: rô, cơ, tép, bích) theo thứ tự từ 01 điểm đến 10 điểm, “sáp” là phần bài có ba lá giống nhau (ví dụ như 999, 222,...) nhân ba số tiền đặt cược, “đồng hoa” là phần bài có ba lá bài liên tiếp cùng chất (ví dụ cây 4, 5, 6 cùng chất cơ) nhân bốn số tiền đặt cược. Nếu người chơi được 10 điểm thì nhân đôi số tiền đặt cược và cướp chương tức là được lên cầm cái (người cầm chương).

Quá trình đánh bạc, các bị cáo thống nhất mỗi người trích lại 100.000 đồng đặt trên bàn trang điểm để đi ăn đêm.

Kết quả giám định tiền tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa, kết luận: tổng số tiền 11.250.000 đồng thu giữ tại nhà Cao Đăng T là tiền thật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.

Về vật chứng vụ án: Tổng số tiền đánh bạc là 10.950.000 đồng, 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng, 01 chiếc chiếu trúc kích thước (2,2x1,7)m là vật chứng của vụ án đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Trần Thị Th (là vợ bị cáo T). Quá trình điều tra xác định, chị Th không biết những ai tham gia đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức gì, gia đình chị không được lợi ích gì nên không xem xét, xử lý.

Đối với anh Cao Văn C là người ngồi xem các bị cáo đánh bạc và bị thu giữ 300.000 đồng trên người. Không có tài liệu nào chứng minh anh C tham gia đánh bạc. Nên Cơ quan CSĐT Công an Thành phố T đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại 300.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Cao Văn C.

Tại bản Cáo trạng số 63/CTr-VKS ngày 21 tháng 1 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố các bị cáo Cao Đăng T, Lê Đăng B, Phạm Văn U và Lê Hữu H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Đối với bị cáo Lê Hữu H sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị cáo đã chết (Trích lục khai tử số 91/2022/TLKT-BS ngày 02/3/2022 của bị cáo Lê Hữu H), nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2022/HSST-QĐ ngày 11/3/2022 đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa vẫn giữ ngU quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo T, U; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo B; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn U mức hình phạt từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; xử phạt bị cáo Cao Đăng T, Lê Đăng B mức hình phạt từ 7 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.950.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, 01 chiếc chiếu trúc đã cũ không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra và các vật chứng thu được trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ và cơ sở để kết luận:

Vào tối ngày 06/11/2021 tại nhà bị cáo Cao Đăng T tại Phố P, phường Đ, Thành phố T, các bị cáo Cao Đăng T, Lê Hữu H, Lê Đăng B và Phạm Văn U đã có hành vi đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh ba cây. Đến khoảng 23 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Công an kiểm tra và thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 10.950.000 đồng, cụ thể thu giữ số tiền dùng đánh bạc của từng bị cáo như sau: Cao Đăng T là 3.900.000 đồng, Lê Hữu H là 2.800.000 đồng; Lê Đăng B là 3.000.000 đồng; Phạm Văn U là 1.250.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm tới trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa văn minh. Tệ nạn đánh bạc đã ảnh hưởng xấu đến kinh tế, tinh thần của nhiều gia đình, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, là ngu nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và các tệ nạn khác. Do đó cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét vị trí, vai trò đồng phạm: Các bị cáo không có chủ định đánh bạc từ trước, mà sau khi ăn cơm ở nhà bị cáo T xong cùng rủ nhau tụ tập đánh bạc, không có người khởi xướng, rủ rê, không có tổ chức chặt chẽ. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và có vai trò ngang nhau.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai Báo; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Lê Đăng B có Mẹ được hưởng chính sách như thương binh, gia đình hoàn cảnh khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng.

Xét thấy, không cần Th cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung : Các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng: Số tiền 10.950.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, 01 chiếc chiếu trúc đã cũ không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy. Áp dụng Điều 47, Điều 106 BLTTHS.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (đối với cả ba bị cáo T, H, B); khoản 2 Điều 51 (đối với bị cáo B); Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 47 BLHS; Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

TU bổ: Các bị cáo Cao Đăng T, Lê Đăng B, Phạm Văn U phạm tội “Đánh bạc”

Xử phạt:

- Bị cáo Cao Đăng T 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Lê Đăng B 07 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Phạm Văn U 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Cao Đăng T, Lê Đăng B, Phạm Văn U cho UBND phường Đ, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nơi các bị cáo đang cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước tổng số tiền 10.950.000 đồng (là tiền các bị cáo và các đối tượng dùng để đánh bạc); tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, 01 chiếc chiếu trúc cũ vì không còn giá trị sử dụng.

Các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T theo Biên bản giao nhận vật chứng số 62/2022/THA ngày 16/2/2022 (Trong đó số tiền 10.950.000 đồng đã nộp vào tài khoản 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa).

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. T;
- Công an TP. T;
- Thi hành án HS, DS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Long

